

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGÔ LONG VƯƠNG

**PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH, QUA THỰC TIỄN  
THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Đặng Công Cường**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	1
3. Mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp luận nghiên cứu .....	4
6. Điểm mới của luận văn.....	5
7. Kết cấu luận văn .....	5
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH....</b>	<b>5</b>
1.1. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch....	5
1.1.1. Khái niệm môi trường .....	5
1.1.2. Khái niệm du lịch, khái niệm môi trường du lịch .....	5
1.2. Mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường đối với du lịch.....	6
1.2.1. Vai trò của môi trường đối với du lịch.....	6
1.2.1.1. Môi trường là yếu tố quyết định đến sự phát triển du lịch.....	6
1.2.1.2. Môi trường là cơ sở để phát triển du lịch sinh thái .....	6
1.2.1.3. Môi trường là yêu cầu để phát triển du lịch bền vững .....	6
1.2.2. Tác động của hoạt động du lịch tới môi trường .....	7
1.2.2.1. Tăng áp lực về chất thải sinh hoạt.....	7
1.2.2.2. Tăng mức độ suy thoái, ô nhiễm nguồn nước.....	7
1.2.2.3. Tăng lượng khí thải, tăng nguy cơ ô nhiễm không khí.....	7
1.2.2.4. Tăng khả năng ô nhiễm dầu ở vùng nước ven biển, lưu vực sông, hồ nước chính.....	8
1.2.2.5. Làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, tăng nguy cơ suy thoái đất....	8
1.2.2.6. Làm suy thoái hệ sinh thái, giảm đa dạng sinh học .....	8
1.3. Pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.....	10
1.3.1. Khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch	10
1.3.2. Vai trò pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.	10
1.3.3. Nội dung của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch .....	10
1.4. Tiêu chí xác định mức độ phù hợp của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch .....	11
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 .....</b>	<b>11</b>
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....</b>	<b>12</b>

2.1. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và thực tiễn thực hiện tại Đà Nẵng.....	12
2.1.1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của cơ quan nhà nước .....	12
2.1.2. Trách nhiệm của những người tham gia hoạt động du lịch .....	12
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại thành phố Đà Nẵng.....	12
2.2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của cơ quan Nhà nước .....	12
2.2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của cơ sở lưu trú du lịch .....	13
2.2.2.1. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành .....	14
2.2.2.2. Cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch .....	14
2.2.2.3. Ban quản lý khu du lịch .....	15
2.2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của cộng đồng dân cư .....	16
2.2.4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của các tổ chức xã hội.....	16
2.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng .....	17
2.3.1. Hạn chế của hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch- nguyên nhân chủ yếu dẫn đến bất cập trong thực tiễn ở Đà Nẵng .....	17
2.3.2. Nguyên nhân từ cơ chế chính sách đầu tư nguồn lực cho việc bảo vệ môi trường .....	17
2.3.3. Các nguyên nhân riêng của Đà Nẵng.....	17
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>18</b>
<b>Chương 3. YÊU CẦU, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUA THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....</b>	<b>19</b>
3.1. Yêu cầu của việc bảo đảm hiệu lực thực tế của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch qua thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng.....	19
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.....	20
3.2.1. Bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức cá nhân đối với bảo vệ môi trường du lịch .....	20
3.2.2. Bổ sung quy định về các biện pháp đảm bảo thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.....	20

3.2.3. Sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư liên tịch số 19/2013 của Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch .....	21
3.2.4. Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường .....	21
3.2.5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về đất đai, về quản lý nước, quản lý khoáng sản, quản lý di sản văn hóa, dầu khí,... nhằm bảo đảm tính thống nhất .....	22
3.2.6. Cụ thể hoá trách nhiệm bảo vệ môi trường của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch .....	22
3.2.7. Hoàn thiện các quy định tạo nguồn đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường. ....	23
3.2.8. Xây dựng chỉ tiêu, định mức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch .....	23
3.3. Giải pháp bảo đảm hiệu lực thực tế của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng .....	23
3.3.1. Đối với các cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng .....	23
3.3.2. Đối với khách du lịch đến thăm quan tại Đà Nẵng .....	24
3.3.3. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội tại Đà Nẵng trong công tác bảo vệ môi trường du lịch.....	24
3.3.4. Tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng tham gia và được hưởng lợi từ phát triển du lịch.....	25
3.3.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng .....	25
3.3.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật môi trường tại Đà Nẵng .....	25
3.3.7. Tăng nguồn chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch .....	25
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 .....	26

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**



# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, các quy định pháp lý về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch chưa nhận được sự quan tâm tương xứng với yêu cầu của thực tế từ phía các nhà xây dựng pháp luật, các nhà quản lý và các chủ thể liên quan. Đồng thời, hoạt động triển khai, thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch còn bất cập, khả năng phối hợp giữa các chủ thể có nhiều điểm hạn chế. Chính điều này đã làm cho các ảnh hưởng tiêu cực từ hoạt động du lịch đến môi trường ngày càng mạnh hơn, làm mất dần đi tính hấp dẫn của các tài nguyên, sản phẩm du lịch; các tác động tích cực từ du lịch đến môi trường bị lu mờ, gây ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh của ngành du lịch.

Để hướng tới sự phát triển bền vững của ngành du lịch, cần phải từng bước nâng cao hiệu quả của các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch được xây dựng và hoàn thiện sẽ là cơ sở vững chắc để tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch. Đây là một nhu cầu cấp bách để ngành du lịch có thể nhanh chóng đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước nói chung và sự nghiệp bảo vệ môi trường nói riêng.

Tại Đà Nẵng, một địa phương có thế mạnh về du lịch ở các khía cạnh du lịch biển, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái,... Du lịch Đà Nẵng ngày càng có những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế. Cùng với đó, mặt trái của du lịch Đà Nẵng cũng ngày càng bộc lộ rõ nét hơn. Các khu, điểm du lịch ngày càng có sự ô nhiễm nghiêm trọng hơn, đặc biệt là du lịch biển và du lịch làng nghề; các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch ngày càng có thái độ coi trọng lợi nhuận mà thiếu ý thức trong bảo vệ môi trường. Vấn đề ô nhiễm môi trường du lịch ở Đà Nẵng đã được các phương tiện thông tin đại chúng phản ánh trong những năm gần đây,...

Xuất phát từ những vấn đề về mặt pháp luật và thực tiễn cuộc sống tại Đà Nẵng, cho thấy, việc nghiên cứu pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch nói chung và Đà Nẵng nói riêng, sẽ có ý nghĩa hết sức cấp thiết. Việc nghiên cứu này nhằm cung cấp thêm những thông tin, đánh giá toàn diện các vấn đề để hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch nói chung và ở Đà Nẵng nói riêng, giải quyết được những bức xúc đã đặt ra từ nhiều năm nay. Do đó, học viên lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, qua thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng”*** để làm luận văn thạc sỹ luật học, chuyên ngành luật kinh tế.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Ở góc độ lịch sử nghiên cứu tổng quát hệ thống pháp luật điều chỉnh về vấn đề bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, theo quan điểm của tác giả

luận văn là chưa có nhiều nghiên cứu quan tâm. Theo tác giả luận văn, nghiên cứu về vấn đề này chỉ có các sách, báo, kỷ yếu sau đây:

1. Cục Môi trường – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1999), Báo cáo công tác đánh giá tác động môi trường, Hà Nội;

2. Lưu Đức Hải – Nguyễn Ngọc Sinh (2000), Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

3. Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam (2005), Nghiên cứu tổng kết một số mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam, Dự án VIE/01/021, Hà Nội, tháng 11;

4. Đặng Huy Huỳnh (2011), Vai trò đa dạng sinh học trong phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam, Hội thảo du lịch sinh thái với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam;

5. IUCN – VNAT – ESCAP (2009), Tuyển tập báo cáo Hội thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam”, tháng 11;

6. Lê Văn Lanh (2003), Du lịch sinh thái và quản lý môi trường du lịch ở các vườn Quốc gia Việt Nam Hội thảo Du lịch sinh thái với phát triển bền vững ở Việt Nam, Hà Nội, tổ chức tháng 4 năm 2003.

7. Phạm Trung Lương (2002), Du lịch sinh thái: Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội;

8. Phạm Trung Lương (2003) Đề tài khoa học cấp ngành “Cơ sở khoa học phát triển du lịch sinh thái Việt Nam”.

9. Tổng cục Du lịch (2003) , Cẩm nang về phát triển du lịch bền vững Hà Nội. Tháng 11/2005

10. Lê Trình (2013), Đánh giá tác động môi trường, phương pháp và ứng dụng NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội

11. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2000), Hiện trạng và một số giải pháp bảo vệ môi trường du lịch Việt Nam, Hà Nội ;

12. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2001), Cơ sở khoa học xây dựng hệ thống chỉ tiêu môi trường cho hoạt động du lịch biển Việt Nam, Hà Nội.

Nhìn chung, các công trình trên đã đưa ra được nhiều giải pháp để thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết được cơ sở lý luận và vấn đề thực tiễn đặt ra trong mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, nhưng các công trình này thường nghiên cứu ở tầm quốc gia, địa phương khác, chưa có công trình nào nghiên cứu đề cập đến vấn đề thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch mang tính tổng thể trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, chưa có đề tài tập trung nghiên cứu một cách chuyên sâu về hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch. Các công trình nghiên cứu có liên quan đã được tiến hành từ rất lâu, trong khi đó, hiện chúng ta đã thực hiện triển khai nhiều chính sách, pháp luật mới và vấn đề đặt ra là phải đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật đối với chính sách mới đó.



Hơn thế, việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại thành phố Đà Nẵng là chưa hề có công trình nào đề cập. Do vậy, việc thực hiện một luận văn thạc sĩ luật học về vấn đề này hoàn toàn không trùng lặp với các công bố trong lịch sử nghiên cứu.

### **3. Mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Nghiên cứu, tìm hiểu và đánh giá đúng đắn về pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng.

- Thông qua đánh giá hiện trạng thực thi pháp luật bảo vệ môi trường tại thành phố Đà Nẵng, đề tài góp phần đánh giá hiệu quả công tác thực thi pháp luật, phát hiện ra được những tồn tại, bất cập, thiếu sót trong việc ban hành chính sách, qui định về hoạt động du lịch. Xác định nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng tại Đà Nẵng

- Đề xuất các giải pháp triển khai có hiệu quả hơn công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn; giúp cơ quan quản lý nhà nước có chiến lược quy hoạch, điều chỉnh chính sách biện pháp thực thi pháp luật bảo vệ môi trường phù hợp, đảm bảo cho việc định hướng phát triển kinh tế du lịch bền vững trong thời gian tới.

Xây các giải pháp nâng cao hiệu lực pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch chung cho cả nước và giải pháp riêng cho thành phố Đà Nẵng.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

Để đạt được mục tiêu nêu trên, đề tài có nhiệm vụ sau đây:

- Làm rõ mối quan hệ tác động qua lại giữa môi trường và du lịch;
- Làm rõ khái niệm, vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch;
- Làm rõ các nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch;
- Phân tích xây dựng các tiêu chí đánh giá tính hoàn thiện của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch;
- Làm rõ các quy định hiện hành về trách nhiệm của từng chủ thể trong bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch;
- Đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định đó ở Đà Nẵng;
- Nghiên cứu đưa ra các nguyên nhân dẫn tới những hạn chế của việc áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả. Các giải pháp gồm các giải pháp chung cho cả nước và các giải pháp áp dụng riêng cho thành phố Đà Nẵng.

## **4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Luận văn nghiên cứu các học thuyết, các công trình nghiên cứu lý thuyết về pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch đã công bố;
- Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch;
- Luận văn nghiên cứu hoạt động áp dụng pháp luật và các tài liệu, số liệu có liên quan để làm rõ hiệu quả áp dụng pháp luật đó tại Đà Nẵng.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian: luận văn nghiên cứu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (thời điểm có hiệu lực của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014), đến tháng 12 năm 2017.
- Về không gian, đối với thực trạng pháp luật, luận văn nghiên cứu hệ thống pháp luật cả nước, về thực tiễn áp dụng, luận văn chỉ nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật tại thành phố Đà Nẵng.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp luận nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu của đề tài**

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật và những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN trong thời kỳ đổi mới.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Để hoàn thành được các nhiệm vụ đề ra ở mục 3.2, luận văn sử dụng các phương pháp phân tích, thống kê, đối chiếu, so sánh, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp điều tra, phương pháp thu thập thông tin, phương pháp điển hình.

Ở chương 1, luận văn chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, thu thập tài liệu để làm rõ khái niệm môi trường, khái niệm du lịch, khái niệm môi trường du lịch; phân tích làm rõ mối quan hệ giữa môi trường và du lịch. Luận văn sử dụng phương pháp tổng hợp, thu thập thông tin để nghiên cứu những học thuyết, các công trình nghiên cứu đã công bố nhằm xây dựng tiêu chí đánh giá pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Ở chương 2 luận văn chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp nhằm xây dựng nhằm làm rõ các quy định hiện hành về trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch đối với từng chủ thể. Phương pháp phân tích, đối chiếu, điều tra, thu thập thông tin,.. cũng được sử dụng để phân tích làm rõ hiệu quả áp dụng các quy định đó ở Đà Nẵng. Phương pháp phân tích, phương pháp điển hình được sử dụng để nghiên cứu làm rõ các nguyên nhân dẫn tới những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, để khái quát thành những nguyên nhân chung của cả nước.

Ở chương 3, luận văn chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp so sánh nhằm xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả của pháp luật

về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, trong đó có các giải pháp chung cho cả nước, có các giải pháp cụ thể cho thành phố Đà Nẵng, dựa trên những kinh nghiệm của địa phương khác.

## **6. Điểm mới của luận văn**

Luận văn có những điểm mới sau đây:

- Làm rõ được vai trò của môi trường đối với sự phát triển du lịch;
- Xây dựng được tiêu chí đánh giá tính hoàn thiện của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch;
- Đánh giá được tổng thể hệ thống các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, đặc biệt là phân tích chi rõ những hạn chế của việc áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng và đưa ra những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong thực tiễn áp dụng tại đây.
- Đề xuất một số giải pháp có tính mới, đặc biệt là các giải pháp áp dụng đối với Đà Nẵng.

## **7. Kết cấu luận văn**

Luận văn có 3 phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết luận.

Trong phần nội dung, được chia thành 3 chương.

Chương 1: Bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

Chương 2: Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Yêu cầu, giải pháp bảo đảm hiệu lực thực tế của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch qua thực tiễn thành phố Đà Nẵng.

### **Chương 1**

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH**

### **1.1. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

#### **1.1.1. Khái niệm môi trường**

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: "*Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật*".

#### **1.1.2. Khái niệm du lịch, khái niệm môi trường du lịch**

Luật Du lịch năm 2005 và Luật Du lịch năm 2014 đều quy định: "*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định*".

Môi trường du lịch tự nhiên bao gồm tập hợp các đối tượng tự nhiên hữu cơ, vô cơ; trong đó có những đối tượng tự nhiên chưa bị con người tác động và những đối tượng tự nhiên đã bị con người cải tạo ở những mức độ khác

nhau, song vẫn bảo tồn được một phần hoặc toàn bộ các đặc tính tự phục hồi và phát triển. Môi trường du lịch tự nhiên bao gồm các yếu tố thiên nhiên: đất, nước, không khí, động thực vật, tức là các yếu tố vật lý (môi trường vật lý) và các yếu tố sinh vật (môi trường sinh học). Trong phạm vi Luận văn này, các vấn đề về môi trường du lịch sẽ chỉ được xem xét ở khía cạnh môi trường du lịch tự nhiên.

## **1.2. Mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường đối với du lịch**

### **1.2.1. Vai trò của môi trường đối với du lịch**

Môi trường có nhiều vai trò quyết định đối với hoạt động du lịch. Theo tác giả luận văn, bao gồm các vai trò sau đây.

#### *1.2.1.1. Môi trường là yếu tố quyết định đến sự phát triển du lịch*

Phát triển du lịch không những tác động trực tiếp đến môi trường mà còn có thể gây ra những tác động gián tiếp thông qua việc nảy sinh các hành vi không thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, công tác bảo vệ môi trường không những cần được thực hiện song song với quá trình hoạt động du lịch mà phải được đặt ra ngay từ đầu – giai đoạn hoạch định các chính sách phát triển du lịch.

#### *1.2.1.2. Môi trường là cơ sở để phát triển du lịch sinh thái*

*“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển du lịch bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”*<sup>1</sup>. Trước hết, du lịch sinh thái là du lịch dựa vào thiên nhiên, hướng về thiên nhiên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên là yếu tố hấp dẫn đặc biệt đối với các du khách lựa chọn loại hình du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái kích thích du khách khám phá những yếu tố mới lạ của tự nhiên, chinh phục nguồn tài nguyên vốn hoang sơ chưa bị xâm phạm. Du lịch sinh thái giáo dục cho con người tình yêu đối với thiên nhiên, môi trường, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Chính vì lẽ đó, du lịch sinh thái được xem là một trong những định hướng phát triển quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách phát triển du lịch của các quốc gia.

#### *1.2.1.3. Môi trường là yêu cầu để phát triển du lịch bền vững*

Như đã đề cập, phát triển bền vững được xem là sự phát triển đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của các thế hệ tương lai. Để có thể đáp ứng nhu cầu về du lịch của thế hệ tương lai, các tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và các nguồn tài nguyên du lịch khác cần phải được giữ gìn để duy trì sức hấp dẫn du lịch; các thành phần môi trường như đất, nước, không khí phải được bảo vệ khỏi các nguy cơ cạn kiệt hay suy thoái, ô nhiễm để có phục vụ cho các

---

<sup>1</sup>Philip Dearden (1998), Bảo tồn đa dạng sinh học và du lịch sinh thái ở Việt Nam: Tuyên tập báo cáo hội thảo về “Phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số”, Hà Nội 16 – 20/12.

hoạt động du lịch trong tương lai. Như vậy, có thực hiện tốt yêu cầu bảo vệ môi trường, ngành du lịch mới có cơ sở để phát triển bền vững.

### ***1.2.2. Tác động của hoạt động du lịch tới môi trường***

Qua nghiên cứu, tác giả luận văn cho rằng, tác động của hoạt động du lịch tới môi trường thể hiện ở các khía cạnh sau.

#### ***1.2.2.1. Tăng áp lực về chất thải sinh hoạt***

Theo tính toán của Tổ chức du lịch thế giới – WTO và số liệu điều tra ban đầu, lượng chất thải trung bình từ sinh hoạt của khách du lịch khoảng 0,67kg chất thải rắn và 100 lít chất thải lỏng/khách/ngày. Đây là một trong những nguồn chính có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động du lịch. Nếu như năm 1995 tổng lượng chất thải rắn từ hoạt động du lịch ở nước ta ước khoảng 11.388 tấn thì đến năm 2001 đã lên đến 20.841 tấn. Tổng lượng chất thải lỏng tương ứng là 1.775.394m<sup>3</sup> (1995) và 3.234.984m<sup>3</sup> (2001). Như vậy, cùng với sự gia tăng khách du lịch, áp lực về thải lượng từ hoạt động du lịch ngày một tăng nhanh trên phạm vi toàn quốc (đặc biệt là ở các trung tâm du lịch) và thực sự trở thành vấn đề môi trường đáng được quan tâm, nhất là vào mùa du lịch hoặc thời điểm tổ chức lễ hội hay các sự kiện chính trị, kinh tế – văn hoá - xã hội.

#### ***1.2.2.2. Tăng mức độ suy thoái, ô nhiễm nguồn nước***

Cùng với việc tăng số lượng khách du lịch, nhu cầu nước cho sinh hoạt của khách tăng nhanh. Nhu cầu này tăng mạnh tại các khu, điểm du lịch, trung tâm du lịch, đặc biệt là các vùng ven biển, nơi tập trung trên 70% các điểm du lịch trong toàn quốc. Hiện nay việc cung cấp nước sinh hoạt dựa nhiều vào khai thác các nguồn nước ngầm. Vì vậy, việc tăng nhanh nhu cầu nước sinh hoạt cho hoạt động du lịch, đặc biệt vào mùa du lịch hoặc những ngày lễ, nghỉ cuối tuần sẽ làm tăng mức độ suy thoái và ô nhiễm các nguồn nước ngầm hiện đang khai thác, nhất là ở khu vực ven biển do khả năng xâm nhập mặn cao khi áp lực các bể chứa giảm mạnh vì bị khai thác quá mức cho phép. Hiện tượng này đã quan sát thấy ở nhiều khu vực có hoạt động du lịch tập trung như Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Đà Nẵng...

#### ***1.2.2.3. Tăng lượng khí thải, tăng nguy cơ ô nhiễm không khí***

Năm 2006, cả nước có trên 120.000 phòng khách sạn (chưa kể số phòng tại nhà khách, nhà trọ), tập trung chính ở các đô thị du lịch<sup>2</sup>. Nếu chỉ tính đến tác động của các thiết bị điều hoà nhiệt độ dùng trong hệ thống khách sạn, nhà hàng thì lượng khí CFCs (loại khí thải chính ảnh hưởng đến tầng ôzôn của khí quyển) thải ra cũng tác động không nhỏ đến môi trường không khí. Đến năm 2006, đã thống kê được trên 10.000 phương tiện vận chuyển khách du lịch (chưa kể các phương tiện giao thông khác và phương tiện cá nhân). Vào mùa

---

<sup>2</sup>Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa – thể thao và Du lịch (2013), Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BTNVMT-BVHTTVDL hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà Nội.

du lịch, đặc biệt là các ngày lễ hội, ngày nghỉ cuối tuần, lượng xe du lịch tập trung chuyên chở khách đến các trung tâm du lịch, đô thị du lịch gây tình trạng ách tắc giao thông, làm tăng đáng kể lượng khí thải CO<sub>2</sub> vào môi trường không khí. Kết quả khảo sát, nghiên cứu ở một số đô thị du lịch như Hạ Long, Vũng Tàu cho thấy vào mùa du lịch, ngày nghỉ cuối tuần số phương tiện giao thông đường bộ (ô tô, xe máy) phục vụ khách du lịch tăng lên có thể gấp 3 -4 lần ngày thường và là nguồn gây ô nhiễm không khí (tiếng ồn, bụi và khí thải) chủ yếu ở những khu vực này.

#### *1.2.2.4. Tăng khả năng ô nhiễm dầu ở vùng nước ven biển, lưu vực sông, hồ nước chính*

Du lịch đường sông và các vùng hồ lớn hiện nay cũng mới phát triển và thường chỉ giới hạn ở một số khu vực có cảnh quan đẹp ở các đoạn sông chảy qua thành phố như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Cần Thơ, Tiền Giang... và một số hồ lớn như Hồ Hoà Bình, Hồ Núi Cốc, Hồ Ba Bể, Hồ Tây,... Trong thời gian tới, khi một số dự án phát triển đường sông, đặc biệt là tuyến du lịch đường sông khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng : TP. Hồ Chí Minh – An Giang – Phnôm Pênh đi vào hoạt động, du lịch đường sông và du lịch trên vùng hồ sẽ càng trở nên sôi động và chắc chắn khả năng ô nhiễm dầu ở những khu vực này sẽ tăng lên đáng kể, ảnh hưởng đến chất lượng nước, đến hệ sinh thái, cảnh quan khu vực.

#### *1.2.2.5. Làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, tăng nguy cơ suy thoái đất*

Việc phát triển các khu du lịch là cần thiết nhằm tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày một cao của khách du lịch, đem lại hiệu quả kinh tế cho xã hội. Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển các khu, điểm du lịch có diện tích vài héc ta (khu du lịch Furama - Đà Nẵng, Victoria – Phan Thiết, Bình Thuận...), vài chục, vài trăm héc ta (Khu du lịch Đồng Mô, Ao Châu...), đến vài nghìn héc ta (khu du lịch Dankia – Suối vàng, Tuyên lâm...), làm thay đổi đáng kể cơ cấu sử dụng đất, nhất là ở những khu vực đô thị, nơi quỹ đất đã vốn rất khan hiếm.

#### *1.2.2.6. Làm suy thoái hệ sinh thái, giảm đa dạng sinh học*

Các yếu tố gây ô nhiễm từ chất thải của hoạt động du lịch mà không được thu gom xử lý đều ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái, đặc biệt là thủy sinh (thiếu ô xy do bị ô nhiễm hữu cơ). Các loài sinh vật trên cạn khi ăn các chất thải khó tiêu huỷ dễ bị chết hoặc dễ bị lây truyền dịch bệnh từ nơi này đến nơi khác qua chất thải của khách du lịch.

Hoạt động du lịch không được quản lý (xe cộ đi lại với mật độ cao ở các vùng tự nhiên; du khách hái hoa quả rừng; chặt cây, bẻ cành làm củi;...) có tác động đến nơi cư trú, đến tập tính hoang dã của nhiều loài sinh vật khiến chúng phải bỏ đi hoặc bị giảm về số lượng do khả năng sinh sản bị ảnh hưởng.

Nhu cầu thiếu ý thức của một bộ phận du khách đã và đang kích thích việc săn bắn, khai thác nhiều loài sinh vật để bán làm vật lưu niệm, món ăn

đặc sản... Điều này sẽ tác động làm suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam. Việc bắt bướm bán cho du khách ở Vườn quốc gia Tam Đảo; khai thác san hô ở Hạ Long, Nha Trang... làm đồ lưu niệm; việc các nhà hàng đặc sản mọc lên ở hầu hết các khu du lịch tự nhiên... là những minh chứng rất cụ thể cho những tác động này.

Bên cạnh đó, việc bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch mang lại những lợi ích sau:

+ Lợi ích cho toàn xã hội

Xã hội sẽ giảm bớt các chi phí phục vụ cho việc cải tạo môi trường, những chi phí khác có liên quan do môi trường ô nhiễm tác động đến cũng được giảm bớt. Đồng thời chất lượng cuộc sống và môi trường của toàn xã hội được nâng cao.

+ Lợi ích cho khách du lịch

Thứ nhất, khách du lịch sẽ được tham quan trong bầu không khí trong lành và rất có lợi cho sức khỏe.

Thứ hai, khách du lịch có cơ hội chiêm ngưỡng những tài nguyên du lịch nguyên sơ, mang đậm chất cổ kính và dấu ấn của thời gian.

Thứ ba, nếu lượng ô nhiễm lớn và chi phí cho việc cải tạo sự ô nhiễm đó lớn thì khách du lịch sẽ phải chịu một phần chi phí thông qua giá vé tham quan các điểm di tích cũng như các dịch vụ khác. Do đó, khách du lịch có thể sẽ giảm bớt được chi phí của mình nếu môi trường tại điểm du lịch được bảo vệ tốt.

+ Lợi ích cho dân cư và địa phương

Thứ nhất, địa phương sẽ giảm bớt chi phí cũng như nguồn nhân lực cho vấn đề bảo vệ môi trường tại địa bàn.

Thứ hai, các khâu quản lý sẽ đơn giản cũng như có thể khai thác tối đa tài nguyên du lịch tại vùng phục vụ cho khách du lịch.

Thứ ba, nếu vấn đề môi trường được bảo vệ tốt, lượng khách du lịch sẽ đông và kéo theo có nhiều công ăn việc làm và mang lại thu nhập cho dân cư.

Thứ tư, trong tương lai sẽ có nhiều dự án đầu tư cho sự phát triển du lịch tại địa bàn nhằm mục đích thu hút càng nhiều du khách. Nếu các dự án đó hợp lý và mang tính khả thi, đó sẽ là nguồn lợi lớn không chỉ cho Tỉnh mà cho cả chính quyền và dân cư sở tại.

+ Lợi ích cho các nhà cung ứng dịch vụ

Trong mối quan hệ giữa khách du lịch - nhà cung ứng - điểm du lịch, các nhà cung ứng luôn là trung gian cung cấp nhiều dịch vụ đến khách. Do đó du lịch càng phát triển sẽ càng có lợi cho các nhà cung ứng, đồng thời tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương.

+ Tác động tích cực đến môi trường du lịch tự nhiên: Hoạt động du lịch tạo ra hiệu quả tốt đối với việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tối ưu các nguồn tài nguyên và môi trường du lịch góp phần tích cực vào việc bảo tồn vườn quốc gia, các khu bảo tồn tự nhiên, các khu rừng, tu bổ, bảo vệ hệ thống đền đài lịch sử, kiến trúc mỹ thuật.

+ Tác động đến môi trường du lịch nhân văn: thông qua hoạt động du lịch, du khách có được sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau làm gia tăng sự đoàn kết quốc tế, hòa bình, hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc. Vì vậy, hoạt động du lịch góp phần nâng

cao đời sống văn hóa tinh thần và tu dưỡng đạo đức cho con người. Du lịch có ý nghĩa nhân sinh và xã hội rất tích cực, thúc đẩy du lịch là yếu tố cơ bản của phồn vinh xã hội.

### **1.3. Pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

#### **1.3.1. Khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

Pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch là tổng thể những quy phạm pháp luật chứa đựng trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau điều chỉnh hoạt động bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch; quy định biện pháp, nguồn lực để bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường khi tiến hành các hoạt động du lịch.

#### **1.3.2. Vai trò pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch có những vai trò sau đây:

*Thứ nhất, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch là cơ sở để thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hoạt động du lịch*

*Thứ hai, pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch xác định vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước và mối liên hệ phối hợp giữa các cơ quan này trong việc bảo vệ môi trường du lịch*

*Thứ ba, pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch là cơ sở pháp lý để gắn kết hoạt động bảo vệ môi trường ngành du lịch với hoạt động bảo vệ môi trường nói chung.*

*Thứ tư, pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch xác định các cơ chế đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

#### **1.3.3. Nội dung của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

Theo các chuyên gia trong ngành du lịch và các ngành có liên quan, nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch đang được thừa nhận bao gồm:

- *Các quy định của pháp luật môi trường có liên quan đến hoạt động du lịch.* Bộ phận này là một tập hợp các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung trong đó có nội dung liên quan trực tiếp đến hành vi của các chủ thể trong quá trình tiến hành các hoạt động du lịch.

- *Các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan đến bảo vệ môi trường.* Đây là toàn bộ các quy phạm pháp luật về du lịch, nhưng có quy định về việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các chủ thể tham gia quan hệ du lịch.

- *Các quy định thuộc hoạt động khác có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.* Bộ phận pháp luật này bao gồm toàn bộ các quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau như: Đất đai, bảo vệ và phát triển rừng, dân sự, bảo vệ nguồn lợi thủy sản... có nội dung điều chỉnh liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.



#### **1.4. Tiêu chí xác định mức độ phù hợp của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

*Thứ nhất, tính toàn diện của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

*Thứ hai, tính đồng bộ của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

*Thứ ba, tính phù hợp của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

*Thứ tư, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch phải được xây dựng ở trình độ kỹ thuật pháp lý cao*

*Thứ năm, tính minh bạch của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

*Thứ sáu, tính công khai của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

*Thứ bảy, tính dễ tiếp cận của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

#### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Với mục tiêu đã đặt ra trong phần đầu của luận văn, chương 1 luận văn có nhiệm vụ làm rõ cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu. Theo đó, luận văn đã làm rõ được các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, làm rõ khái niệm môi trường, khái niệm du lịch, khái niệm môi trường du lịch. Thứ hai, luận văn đã phân tích làm rõ vai trò của môi trường đối du lịch. Thứ ba, làm rõ tác động của môi trường tới hoạt động du lịch. Thứ tư, luận văn cũng đã làm rõ tác động của hoạt động du lịch tới môi trường. Thứ tư, luận văn đã làm rõ khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Thứ năm, luận văn cũng đã làm rõ vai trò pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Thứ sáu, chương 1 luận văn đã xây dựng được hệ thống các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, bao gồm:

Một là, tính toàn diện của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Hai là, tính đồng bộ của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Ba là, tính phù hợp của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Bốn là, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch phải được xây dựng ở trình độ kỹ thuật pháp lý cao. Năm là, tính minh bạch của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Sáu là, tính công khai minh bạch của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Bảy là, tính dễ tiếp cận của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Ngoài ra, chương 1 của luận văn cũng đã làm rõ nội dung của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **2.1. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và thực tiễn thực hiện tại Đà Nẵng**

#### **2.1.1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của cơ quan nhà nước**

*Thứ nhất, trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Thứ hai, trách nhiệm về môi trường trong hoạt động du lịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

*Thứ ba, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của Ủy ban nhân dân các cấp.*

*Thứ tư, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Thứ năm, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của Sở Tài nguyên và Môi trường.*

#### **2.1.2. Trách nhiệm của những người tham gia hoạt động du lịch**

Thứ nhất, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người kinh doanh dịch vụ du lịch tại cơ sở.

Thứ hai, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của cơ sở lưu trú du lịch.

Thứ ba, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của doanh nghiệp lữ hành.

Thứ tư, bên cạnh cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch, môi trường, người kinh doanh dịch vụ du lịch cơ sở và đơn vị lữ hành, pháp luật yêu cầu du khách cũng phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường trong các chuyên du ngoạn của mình.

Thứ năm, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

Thứ bảy, trách nhiệm bảo vệ môi trường của cộng đồng và tổ chức xã hội nơi có khách du lịch.

### **2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại thành phố Đà Nẵng**

#### **2.2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của cơ quan Nhà nước**

+ Xây dựng hệ thống trạm quan trắc và phân tích môi trường tại Đà Nẵng

+ Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về môi trường

+ Thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

+ Giải quyết sự cố môi trường

+ Tổ chức một số khoá tập huấn nâng cao nhận thức về môi trường cho cán bộ quản lý du lịch ở các địa phương

+ Về hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

Xét về mặt tổng thể, công tác bảo vệ tài nguyên môi trường trong du lịch tại Đà Nẵng vẫn còn rất nhiều những tồn tại. Nhận thức về giữ gìn và bảo vệ tài nguyên môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng chưa được đều khắp trong cán bộ, công nhân viên của ngành du lịch và những ngành có liên quan đến du lịch. Hiện tượng vệ sinh môi trường bị ô nhiễm đang diễn ra phổ biến tại Đà Nẵng, tài nguyên môi trường đang có nguy cơ bị phá huỷ. Khai thác tài nguyên du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái chưa chú ý bảo vệ môi trường, chưa có đánh giá tác động môi trường trước khi khai thác; thiếu sự bảo vệ, tái tạo nhằm khôi phục và phát triển, chống suy thoái môi trường sinh thái.

Hệ thống xử lý chất thải ở các dự án môi trường tại Đà Nẵng chưa được xây dựng hoặc nếu có cũng chỉ mang tính chất cục bộ. Tại các trung tâm du lịch biển đông khách tại Đà Nẵng, phần lớn khách sạn, nhà hàng chưa có hệ thống xử lý nước thải; xăng dầu, rác của các tàu, thuyền du lịch, tàu thuyền vận tải đổ thẳng xuống biển; một số khu du lịch núi chưa chú trọng thu gom rác, có nơi chỉ thu dọn được khoảng một nửa. Hiện tượng đánh cá bằng thuốc nổ, khai thác san hô, nhũ đá... tại Đà Nẵng vẫn còn tồn tại, gây tác động xấu làm huỷ hoại môi trường, ảnh hưởng đến sự bảo tồn sinh học, làm tổn hại tài nguyên du lịch. Những hiện tượng ô nhiễm và nguy cơ gây ô nhiễm khác cũng chưa được xử lý dứt điểm do thiếu kinh phí và thiếu những biện pháp kiên quyết của các cấp chính quyền tại Đà Nẵng.

Trong mối quan hệ với các hoạt động khác, môi trường trong ngành du lịch cũng đang phải gánh chịu những hậu quả nặng nề tại Đà Nẵng. Việc xử lý không tốt rác thải sinh hoạt, rác thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, neo đậu tàu thuyền, khai thác, vận chuyển thủy sản không hợp lý, thải dầu, khói ra môi trường xung quanh, kết hợp với những hành vi khai thác trái phép tài nguyên gây ô nhiễm môi trường, việc phân bố vị trí các ngành nghề không hợp lý đang làm phá vỡ cảnh quan môi trường du lịch và làm giảm sức hấp dẫn du lịch tại Đà Nẵng. Ở đây, ngành du lịch tại Đà Nẵng cũng chưa có biện pháp hữu hiệu để đối phó với những tác động này.

### ***2.2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của cơ sở lưu trú du lịch***

Các cơ sở lưu trú này không có hệ thống thu gom và xử lý chất thải riêng. Rác thải, nước thải được đưa thẳng ra môi trường xung quanh. Ngoài ra, do không có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên, nhiều khách sạn lớn tuy đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải nhưng không vận hành thường xuyên hoặc không sử dụng hết công suất nhằm giảm chi phí hoạt động. Điều tra do Vụ Khách sạn- Tổng cục Du lịch tiến hành cho thấy có hơn 50% số cơ sở lưu trú du lịch tại Đà Nẵng được hỏi không thực hiện xử lý nước thải mà

thải trực tiếp ra hệ thống công cộng<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, các cơ sở lưu trú du lịch tại Đà Nẵng là nơi tiêu thụ một lượng lớn nước và năng lượng điện. Không những thế, việc vận hành các hệ thống điều hoà nhiệt độ của khách sạn tại Đà Nẵng tạo ra một lượng lớn khí CO<sub>2</sub>, loại khí chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính hiện nay. Một điểm mới trong các quy định về quản lý cơ sở lưu trú du lịch tại Đà Nẵng hiện nay là vấn đề bảo vệ môi trường đã được đưa vào tiêu chuẩn xếp hạng khách sạn. Theo đó, tất cả các khách sạn từ 1 sao trở lên đều phải có môi trường, cảnh quan đảm bảo vệ sinh. Tuy nhiên, do quy định này còn chung chung nên ở Đà Nẵng chưa triển khai cụ thể được và không có căn cứ để xử lý vi phạm. Hiện ở Đà Nẵng, số cơ sở lưu trú du lịch quan tâm đến đào tạo nhân sự chuyên trách về môi trường là rất ít.

Nhìn chung, hoạt động bảo vệ môi trường tại các cơ sở lưu trú du lịch tại Đà Nẵng chưa giải quyết hết những vấn đề môi trường nảy sinh trong hoạt động của các cơ sở này.

#### *2.2.2.1. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành*

Việc đưa khách đến các địa điểm tham quan du lịch là hoạt động gây tác động lớn đến môi trường du lịch song nhìn chung, các doanh nghiệp lữ hành tại Đà Nẵng thường chỉ quan tâm đến việc sử dụng các tài nguyên du lịch tại Đà Nẵng để tổ chức các chương trình du lịch, ít chú ý đến những yêu cầu bảo vệ môi trường.

Các doanh nghiệp lữ hành tại Đà Nẵng cũng chưa có những biện pháp quản lý hoạt động của khách tại các điểm đến du lịch để ngăn ngừa các tác động xấu đến môi trường. Hậu quả của cách hoạt động này tạo ra sự suy giảm môi trường tại khu rừng này mà nguyên nhân chủ yếu là do khai thác du lịch.

#### *2.2.2.2. Cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch*

So với hoạt động vận chuyển khách nói chung, hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch tại Đà Nẵng có những biện pháp bảo vệ môi trường cao hơn hẳn. Điều này được lý giải bởi yêu cầu đảm bảo sự sạch, đẹp để hấp dẫn khách du lịch. Các doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch tại Đà Nẵng thường sử dụng những phương tiện vận chuyển tương đối hiện đại, có nơi để rác trên xe cho khách du lịch. Tuy nhiên, việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường thường chỉ bó hẹp trong phạm vi phương tiện vận chuyển. Trong quá trình vận chuyển khách, vẫn xảy ra hiện tượng rác từ trên phương tiện thải ra đường đi, đặc biệt trên các phương tiện vận tải đường thủy, không chỉ các chất thải lỏng mà cả các loại rác thải cũng được đưa thẳng xuống nước. Đã có nhiều trường hợp sau khi du khách ăn xong, nhân viên trên tàu ném thẳng thức ăn thừa, vỏ lon và chai nhựa xuống biển. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có những biện pháp hữu hiệu để ngăn ngừa hiện tượng này.

---

<sup>3</sup>Viện nghiên cứu phát triển du lịch – Tổng cục Du lịch (2016), Báo cáo nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường “Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường, xây dựng hướng dẫn lập báo cáo hiện trạng môi trường”, Hà Nội.

### 2.2.2.3. Ban quản lý khu du lịch

Luật Du lịch đã quy định “Khu du lịch phải thành lập Ban quản lý khu du lịch”. Các ban quản lý này có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, tôn tạo các danh lam, thắng cảnh thuộc quyền được giao.

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường của các chủ thể này chưa được thực hiện có hệ thống và thành một quy trình liên tục, toàn diện. Các Ban quản lý chưa xác định giới hạn phát triển du lịch tại mỗi khu vực trong khả năng tự phục hồi, tự tái tạo của môi trường, việc thu gom rác cũng chưa thực hiện được triệt để. Ban quản lý cũng chưa có các biện pháp hữu hiệu để quản lý hoạt động của du khách khi khách đi sâu vào các khu vực bảo tồn. Những hoạt động chặt cây, bẻ cành, vứt rác bừa bãi vẫn tồn tại. Việc xâm phạm đến đời sống tự nhiên của các loài sinh vật, làm thay đổi tập tính sinh hoạt của chúng hiện nay vẫn chưa có những biện pháp ngăn ngừa. Các hoạt động bảo vệ môi trường đã triển khai vẫn nặng về nghiên cứu, hô hào hoặc mang tính học thuật, thiếu những biện pháp triển khai cụ thể, những đề xuất thực tế để có thể thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch tại Đà Nẵng hoặc nếu có tiên hành thì cũng chỉ là những biện pháp hết sức nhỏ lẻ như thu gom rác, song lại không có biện pháp xử lý.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tính kém hiệu quả trong việc triển khai hoạt động bảo vệ môi trường của các Ban quản lý khu, điểm du lịch hiện nay tại Đà Nẵng, trong đó phải kể tới các nguyên nhân sau:

+ Do sự thiếu hụt các quy định về địa vị pháp lý, vai trò, chức năng của các loại Ban quản lý khu du lịch. Cơ chế hoạt động cách thức quản lý và khai thác các khu, điểm du lịch tại Đà Nẵng chưa thống nhất. Nhiều Ban quản lý tại Đà Nẵng chỉ quan tâm tới các nguồn thu từ hoạt động du lịch mà không chú ý tới hoạt động bảo vệ môi trường.

+ Các Ban quản lý này thuộc những cơ quan khác nhau tại Đà Nẵng, với sự nhận thức khác nhau về các yêu cầu bảo vệ môi trường, thuộc các ngành chuyên môn và lĩnh vực hoạt động khác nhau khiến họ khó có khả năng áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường một cách đồng bộ.

+ Trên thực tế, ngành du lịch cũng chưa chủ động xây dựng hệ thống đồng bộ, có chức năng rạch ròi cho các Ban quản lý khu, điểm, tuyến du lịch. Một số Ban quản lý khu du lịch đã có là do nhu cầu quản lý Nhà nước. Hoạt động du lịch diễn ra tại các danh lam, thắng cảnh có gây ô nhiễm, nhưng ngành du lịch chưa có cơ chế bồi thiệt hại về môi trường từ đóng góp của người gây ô nhiễm.

+ Sự phối hợp giữa ngành du lịch và các Ban quản lý danh lam, thắng cảnh, lễ hội diễn ra không đồng bộ, và thiếu cơ chế. Với tư cách là những đơn vị trực tiếp quản lý các khu vực có tài nguyên du lịch và trực tiếp kiểm soát các hoạt động du lịch diễn ra tại khu, điểm du lịch, các Ban quản lý đã đề cập có khả năng và cần phải đóng một vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường ngành du lịch. Vai trò này có thể thể hiện qua các hoạt động: kiểm

soát các hành vi có thể gây ô nhiễm, suy thoái môi trường của các cơ sở kinh doanh dịch vụ và khách du lịch tại các khu, điểm du lịch do mình quản lý, kiểm soát các hành vi có thể làm ảnh hưởng đến tài nguyên và hệ sinh thái tại các Khu, điểm du lịch, đề ra các yêu cầu bảo vệ môi trường phù hợp với đặc trưng của Khu, điểm du lịch do mình quản lý, theo dõi các diễn biến môi trường tại khu vực của mình và phát hiện kịp thời các hiện tượng ô nhiễm và suy thoái hoặc các nguy cơ có thể xảy ra ô nhiễm và suy thoái môi trường để đề xuất, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý kịp thời. Chuẩn bị các phương tiện và các kế hoạch ứng cứu để đề phòng các sự cố môi trường, chủ động ứng cứu trong trường hợp xảy ra sự cố.

### ***2.2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của cộng đồng dân cư***

Thứ nhất, bộ phận cộng đồng dân cư tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch của cộng đồng địa phương chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ, vận tải thô sơ, ... Họ chưa được tổ chức tốt, do đó đã tạo ra sự lộn xộn ở các khu, điểm du lịch, gây mất trật tự, vệ sinh.

Thứ hai, các cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng không trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch mà tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng là nhóm gây tác động khá lớn đến môi trường du lịch. Ở những vùng sâu vùng xa tại Đà Nẵng, người dân còn tập tục đốt rừng làm nương rẫy đã phá huỷ một diện tích rừng khá lớn, không những làm hỏng nguồn tài nguyên du lịch mà còn làm ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, việc bảo vệ môi trường du lịch trong cộng đồng dân cư đối với các làng nghề tại Đà Nẵng còn chưa tốt. Làng nghề tại Đà Nẵng được xem là một nơi đến của du khách song vấn đề bảo vệ môi trường lại chưa được quan tâm.

### ***2.2.4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng của các tổ chức xã hội***

Một đặc điểm thuận lợi của Việt Nam là có một hệ thống các tổ chức xã hội mạnh từ Trung ương xuống các địa phương: Mặt trận tổ quốc, Thanh niên, Phụ nữ, Hội cựu chiến binh... Các tổ chức xã hội này tham gia một cách tích cực vào mọi hoạt động của cộng đồng; trong đó có hoạt động du lịch và bảo vệ môi trường du lịch. Các tổ chức xã hội, trên thực tế đã có đóng góp rất có giá trị cho hoạt động du lịch tại các địa phương thông qua các hoạt động: Tổ chức các lễ hội văn hoá; Tạo ra mạng lưới bảo vệ an ninh, trật tự; Tổ chức nhiều phong trào trồng cây, dọn vệ sinh, gìn giữ phong tục, tập quán lành mạnh. Để có thể phát huy vai trò của các tổ chức này cần: Duy trì các phong trào quần chúng, tạo ra hoạt động thường xuyên, sâu rộng; Tại các khu, tuyến, điểm du lịch cần xây dựng mô hình cộng đồng tự quản môi trường; Ngành du lịch phải dành một phần lợi nhuận thu được, đóng góp cho hoạt động của các tổ chức xã hội tại địa phương.

### **2.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng**

Mục 2.2. luận văn đã phân tích và làm rõ những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở thành phố Đà Nẵng. Những hạn chế này đều xuất phát từ những nguyên nhân nhất định. Theo tác giả luận văn, những nguyên nhân đó bao gồm:

#### **2.3.1. Hạn chế của hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch- nguyên nhân chủ yếu dẫn đến bất cập trong thực tiễn ở Đà Nẵng**

*Thứ nhất, pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch chưa bảo đảm tính tính toàn diện, điều chỉnh chưa bao quát tất cả các khía cạnh cần thiết*

*Thứ hai, pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch vẫn chưa bảo đảm tính đồng bộ cần thiết*

*Thứ ba, pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch vẫn còn nhiều quy định chưa phù hợp*

Với chế tài hành chính nhẹ như thế, các chủ thể sẵn sàng bị phạt để được tồn tại mà không chịu đầu tư tài chính để thực hiện các giải pháp đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường, hay báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Ở Đà Nẵng, qua thu thập thông tin cho thấy, đại đa số các cơ sở lưu trú du lịch không nghiêm chỉnh chấp hành các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cũng như kế hoạch bảo vệ môi trường như ở trên đã nêu, cũng có nguyên nhân xuất phát từ tính không phù hợp này.

*Thứ tư, pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch chưa bảo đảm tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận*

#### **2.3.2. Nguyên nhân từ cơ chế chính sách đầu tư nguồn lực cho việc bảo vệ môi trường**

Những phân tích ở mục 2.2. đã cho thấy, một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng, đó là kinh phí đầu tư hạn hẹp, chưa xứng tầm với yêu cầu khách quan.

Một hoạt động chủ yếu dễ nhìn thấy nhất đó là hoạt động quan trắc môi trường. Hoạt động quan trắc này ở Đà Nẵng chưa có hiệu quả như kỳ vọng vì việc lắp đặt các hệ thống quan trắc, cũng như việc vận hành nó, đòi hỏi sự đầu tư nguồn lực con người, nguồn lực tài chính cho Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung. Vì chỉ tập trung lắp đặt ở Đà Nẵng cũng không thể đưa mẫu và phân tích được. Chính vì nguyên nhân này, cho nên việc nắm bắt hiện trạng môi trường tại các khu, điểm du lịch ở Đà Nẵng đang là vấn đề cần tháo gỡ.

#### **2.3.3. Các nguyên nhân riêng của Đà Nẵng**

Nhìn từ thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, theo tác giả luận văn, những bất cập trong công tác này còn xuất phát từ nguyên nhân riêng ở Đà Nẵng.

*Thứ nhất, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các chủ thể có có liên quan chưa cao*

*Thứ hai, Đà Nẵng chưa linh hoạt động cơ cấu nguồn chi ngân sách của địa phương và chưa thể hiện được sự ưu tiên trong bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch*

*Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm nhìn chung chưa cương quyết và thường xuyên, đáp ứng yêu cầu*

*Thứ tư, chưa chủ động kết nối, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trên địa bàn Đà Nẵng thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn sinh sống*

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương 2 của luận văn đã nghiên cứu làm rõ 3 vấn đề. Thứ nhất, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các chủ thể trong hoạt động du lịch. Thứ hai, thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng. Thứ ba, nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của cơ quan nhà nước

Đối với nội dung thứ nhất, luận văn đã làm rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài trách nhiệm của cơ quan nhà nước, luận văn còn làm rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của người kinh doanh dịch vụ du lịch tại cơ sở; của cơ sở lưu trú du lịch; của du khách; của doanh nghiệp lữ hành; của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển khách du lịch; của cộng đồng và tổ chức xã hội nơi có khách du lịch.

Đối với nội dung thứ hai, là đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng, luận văn đã phân tích làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường của từng chủ thể. Về phía các cơ quan nhà nước, làm rõ trách nhiệm thông qua các việc như: Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về môi trường; xây dựng hệ thống trạm quan trắc và phân tích môi trường tại Đà Nẵng; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về môi trường; thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giải quyết sự cố môi trường, tổ chức một số khoá tập huấn nâng cao nhận thức về môi trường cho cán bộ quản lý du lịch ở các địa phương, về hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Ngoài ra, luận văn cũng đã đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của các chủ thể như cơ sở lưu trú du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, Cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch, Ban quản lý khu du lịch, cộng đồng dân cư và tổ chức xã hội.



Nhìn chung, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng đang tồn tại rất nhiều hạn chế, vướng mắc.

Về nguyên nhân, chương 2 của luận văn cũng nghiên cứu và cho rằng nguyên nhân quan trọng nhất đó chính là hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch chưa có tính toàn diện, chưa đồng bộ, phù hợp, chưa công khai minh bạch và dễ tiếp cận. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách đầu tư nguồn lực cho việc bảo vệ môi trường cũng là nguyên nhân.

Đối với Đà Nẵng, không chỉ những nguyên nhân trên, mà còn có những nguyên nhân như: Ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các chủ thể có liên quan chưa cao; chưa linh hoạt động cơ cấu nguồn chi ngân sách của địa phương và chưa thể hiện được sự ưu tiên trong bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm nhìn chung chưa cương quyết và thường xuyên, đáp ứng yêu cầu; chưa chủ động kết nối, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trên địa bàn Đà Nẵng thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên địa bàn sinh sống.

### Chương 3

## **YÊU CẦU, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUA THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **3.1. Yêu cầu của việc bảo đảm hiệu lực thực tế của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch qua thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng**

**Thứ nhất**, phải bảo đảm hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh du lịch.

**Thứ hai**, phải có cơ chế linh hoạt cho địa phương nhằm khai thác hiệu quả ngành du lịch.

**Thứ ba**, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch phải quan tâm đến việc tạo ra việc làm, cũng như nâng cao chất lượng việc làm cho người dân. Khi coi du lịch là một hoạt động kinh tế, có nghĩa là pháp luật điều chỉnh về vấn đề này phải quan tâm tạo hành lang pháp lý để phát triển số lượng và chất lượng việc làm.

**Thứ tư**, phải bảo đảm sự hài lòng của du khách.

**Thứ năm**, pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch phải đặt ra yêu cầu bảo đảm sự đa dạng văn hóa.

*Thứ sáu*, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch phải đáp ứng nhu cầu bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ sinh thái.

*Thứ bảy*, hệ thống pháp luật phải điều chỉnh được tất cả các quan hệ phát sinh liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

*Thứ tám*, các quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể phải phù hợp với yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và phản ánh được điều kiện thực tế ở Việt Nam. Các nghĩa vụ phải gắn liền với các chế tài đủ mạnh để ràng buộc các chủ thể.

*Thứ chín*, các quy định pháp luật phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

## **3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

### **3.2.1. Bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức cá nhân đối với bảo vệ môi trường du lịch**

Như chương 2 đã đánh giá về hiệu quả áp dụng các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng cho thấy, một trong những nguyên nhân khiến cho thực tiễn áp dụng các quy định này ở Đà Nẵng chưa có hiệu quả cao trong thực tế, là do pháp luật hiện hành trong hoạt động này đang thiếu các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức cá nhân đối với việc bảo vệ môi trường. Do vậy, để khắc phục những hạn chế này, giải pháp đầu tiên mà tác giả luận văn đề xuất, đó là phải nghiên cứu, bổ sung các quy định về trách nhiệm của các chủ thể này trong bảo vệ môi trường, đối với hoạt động du lịch.

Trong quá trình hoàn thiện pháp luật, các nội dung này cần được thể hiện trong các văn bản có hiệu lực pháp lý cao. Bởi lẽ, việc quy định trong các văn bản có giá trị pháp lý thấp sẽ ảnh hưởng đến tính minh bạch, dễ tiếp cận của các chủ thể, mà đây lại là một trong những tiêu chí đánh giá tính hoàn thiện. Hơn nữa, các chủ thể có trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch không chỉ là ngành môi trường hay ngành du lịch mà còn liên quan đến các ngành khác như du khách, cộng đồng dân cư,... Do vậy, để bảo đảm khả thi, cần phải quy định trong các văn bản luật.

### **3.2.2. Bổ sung quy định về các biện pháp đảm bảo thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch**

Như phần chương 2 luận văn đã nêu, trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch các biện pháp bảo đảm chưa được quan tâm điều chỉnh, với một thái độ cương quyết. Để từ đó, các chủ thể buộc phải thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Pháp luật tuy cũng có nhắc đến một số ít các biện pháp bảo đảm (hay còn gọi là biện pháp kinh tế có tính phòng ngừa) nhưng trong hoạt động du lịch lại không rơi vào các trường hợp bảo thực hiện biện pháp đó.

Do vậy, một trong những biện pháp đảm bảo tính hiệu quả của pháp luật bảo vệ môi trường du lịch mà tác giả luận văn đề xuất tiếp theo, đó là phải bổ

sung vào trong các quy định của pháp luật ở lĩnh vực này hệ thống các biện pháp bảo đảm. Cụ thể, cần bổ sung các quy định về trách nhiệm tài chính của các tổ chức, cá nhân khi sử dụng các thành phần môi trường; quy định về cơ chế đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường; quy định cụ thể về công khai, minh bạch hóa các quy định bảo vệ môi trường du lịch; quy định về xử lý các vi phạm liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Đối với quy định về xử lý vi phạm, cần được bổ sung trong cả pháp luật môi trường và pháp luật du lịch để bảo đảm hiệu lực toàn diện đối với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Trong quá trình hoàn thiện quy định này, theo tác giả luận văn, nên quy định cho phép cơ quan quản lý nhà nước về môi trường hay cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đều được phép xử lý hành chính đối với những vi phạm đã phát hiện. Bởi như mục 2.2. đã nêu, do cơ quan quản lý nhà nước về du lịch khi phát hiện sai phạm phải báo cáo và thành lập đoàn liên ngành để kiểm tra, thanh tra, xử lý nên không hiệu quả. Đây là giải pháp có tính mạnh mẽ, thể hiện thái độ cương quyết trong xử lý những vi phạm pháp luật môi trường.

Bên cạnh đó, chế tài xử phạt cũng cần được quy định theo hướng xử phạt nặng hơn để mang lại hiệu quả của việc xử lý. Nếu không tính hiệu quả của việc xử lý sẽ không đạt được trong thực tế vì như đã nêu, các chủ thể sẵn sàng nộp phạt mà không muốn đầu tư tài chính, nhân lực để thực hiện đúng pháp luật, vì điều đó tốn kém, như chương 2 luận văn đã nêu.

### ***3.2.3. Sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư liên tịch số 19/2013 của Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch***

Phân phân tích ở chương 2 cho thấy, Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT- VHTTVDL-BTNVMT được ban hành trong giai đoạn áp dụng Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và Luật Du lịch năm 2005, cho nên cũng chưa thể hiện được tinh thần của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Luật Du lịch năm 2017. Biểu hiện cụ thể ở việc thiếu rất nhiều vấn đề phối hợp chung giữa 2 nhóm cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và về du lịch.

Do vậy, theo tác giả luận văn, chúng ta cần sửa đổi, bổ sung văn bản này nhằm đáp ứng được tinh thần của các luật hiện hành. Bởi lẽ như đã phân tích, bên cạnh những tác dụng rõ rệt, văn bản này còn nhiều hạn chế nhất định, còn nhiều quy định của của Thông tư liên tịch này như quy định về lập báo cáo hiện trạng môi trường, chỉ tiêu về chất lượng môi trường đối với hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng, thể thao mạo hiểm, sinh thái... Nội dung Thông tư liên tịch này chủ yếu nhắc lại những quy định đã có trong các văn bản về môi trường, chưa có quy định đặc thù cho hoạt động du lịch hoặc đã cụ thể nhưng chưa phù hợp với thực tế hoạt động các chủ thể du lịch.

### ***3.2.4. Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường***

Chương 2 luận văn cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn tới việc triển khai áp dụng các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch đó là còn thiếu một số bộ tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động du lịch. Do vậy, để bảo đảm nâng cao hiệu quả áp dụng, theo tác giả luận văn, chúng ta cần hoàn thiện việc đưa ra tiêu chuẩn môi trường cho các khu, điểm du lịch. Trong quá trình hoàn thiện tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường, cần dựa trên cơ sở nghiên cứu tiêu chuẩn môi trường của quốc tế và nghiên cứu điều kiện cụ thể của Việt Nam để xây dựng Bộ Tiêu chuẩn phù hợp và mang tính khả thi. Đặc biệt cần chú ý đến việc bổ sung các tiêu chuẩn Việt Nam mang tính kỹ thuật có liên quan mật thiết đến hoạt động du lịch như bảo vệ rừng, hệ sinh vật, hệ sinh thái, khu vực sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, khu du lịch, điểm du lịch...

### ***3.2.5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về đất đai, về quản lý nước, quản lý khoáng sản, quản lý di sản văn hóa, dầu khí,... nhằm bảo đảm tính thống nhất***

Trong các văn bản thuộc các hoạt động khác có liên quan đến môi trường du lịch như quản lý đất đai, tài nguyên nước, quản lý di sản văn hoá, xây dựng, khai thác khoáng sản, dầu khí cần bổ sung quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường du lịch của các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khi tiến hành hoạt động trong các hoạt động này. Hiện nay, đã có một số văn bản quy định về vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các văn bản này, dù ít hay nhiều đều có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ngành du lịch.

Tuy vậy, nếu chỉ hoàn thiện các quy định về quản lý du lịch, hay quản lý môi trường mà thiếu quan tâm hoàn thiện các hoạt động pháp luật vừa nêu sẽ khiến cho việc áp dụng pháp luật không đạt hiệu quả cao. Nhìn chung, các hoạt động pháp luật này được ban hành đã lâu (ngoại trừ luật đất đai năm 2013) nên so với các quy định của pháp luật môi trường và pháp luật du lịch đang bộc lộ sự thiếu đồng bộ. Chính vì thế, một trong những giải pháp đặt ra là phải chú trọng đồng bộ hóa giữa các lĩnh vực pháp luật về du lịch, pháp luật về môi trường và pháp luật chuyên ngành điều chỉnh cụ thể về một đối tượng môi trường cụ thể.

### ***3.2.6. Cụ thể hoá trách nhiệm bảo vệ môi trường của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch***

Mục 2.1 cho thấy, pháp luật chỉ mới quy định nhiệm vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch của một số chủ thể nhất định. Trong khi đó, liên quan đến vấn đề này còn có sự tham gia của khá nhiều chủ thể khác và chúng ta chưa có quy định về trách nhiệm của họ trong việc bảo vệ môi trường. Tương tự, các chủ thể đã được quy định, thì nội dung trách nhiệm trong bảo vệ môi trường cũng chưa được điều chỉnh bao quát, dẫn đến việc áp dụng rất khó khăn.

Do đó, cần nghiên cứu, rà soát và quy định trách nhiệm nghĩa vụ của tất cả các chủ thể tham gia vào việc bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, cũng như bảo đảm tính bao quát của mỗi chủ thể được quy định.

### ***3.2.7. Hoàn thiện các quy định tạo nguồn đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.***

Pháp luật hiện hành chưa có cơ chế đầu tư tạo nguồn kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường nhằm hỗ trợ cho ngân sách nhà nước và đây là một hạn chế. Do vậy, trong quá trình hoàn thiện pháp luật sắp tới, bên cạnh việc xác định nghĩa vụ nộp phí khi sử dụng các thành phần môi trường du lịch còn phải định ra được một cơ chế để các chủ thể kinh doanh dành một phần nguồn thu từ du lịch cho công tác bảo vệ tôn tạo môi trường; định ra cơ chế chia sẻ lợi ích với cộng đồng dân cư để thu hút cộng đồng dân cư tham gia tôn tạo và bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch.

### ***3.2.8. Xây dựng chỉ tiêu, định mức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch***

Những chỉ tiêu, định mức này sẽ cho phép cụ thể hoá các yêu cầu bảo vệ môi trường trong ngành về điều kiện môi trường, về chất lượng môi trường phù hợp với đặc trưng của hoạt động du lịch. Chỉ tiêu, định mức về bảo vệ môi trường ngành du lịch có thể sẽ cao hơn tiêu chuẩn Việt Nam.

## **3.3. Giải pháp bảo đảm hiệu lực thực tế của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch ở Đà Nẵng**

Ở mục 3.3. của luận văn đã đưa ra một số giải pháp chung cho cả nước trong việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Các giải pháp được nêu ở mục 3.2. chủ yếu là giải pháp hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước mà qua quá trình nghiên cứu thực tiễn ở Đà Nẵng đã phát hiện.

Tuy vậy, nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng tại Đà Nẵng, cần phải triển khai các giải pháp riêng của Đà Nẵng, xuất phát từ những hạn chế và nguyên nhân riêng của Đà Nẵng trong vấn đề này. Do vậy, theo tác giả, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng, tác giả luận văn xin đề xuất các giải pháp sau đây.

### ***3.3.1. Đối với các cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng***

Các cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng bao gồm: Các khu tham quan, nghỉ dưỡng, các khách sạn, các nhà hàng, các đội xe, các công ty lữ hành v.v... Hoạt động của các cơ sở này thường có tác động trực tiếp lên tài nguyên - môi trường (gây hư hỏng, làm ô nhiễm, làm suy kiệt v.v...). Vì vậy, các hoạt động bảo vệ môi trường cần được thực hiện trực tiếp ở các cơ sở này. Việc cụ thể hoá trách nhiệm bảo vệ môi trường phải gắn với đặc thù của từng loại ngành nghề kinh doanh du lịch. Là những chủ thể trực tiếp khai thác các nguồn tài nguyên tại Đà Nẵng, các cơ sở kinh doanh du lịch còn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tôn tạo tài nguyên, cải thiện chất lượng môi trường; có trách nhiệm đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ, phục hồi lại

môi trường tại Đà Nẵng. Đây cũng chính là giải pháp mấu chốt nhằm xử lý sự mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển, giữa khai thác và duy trì tái tạo.

Đà Nẵng có thể học hỏi kinh nghiệm của Vũng Tàu trong việc giao khoán chỉ tiêu cây xanh để bảo vệ rừng cho các công ty du lịch. Việc làm này đã cho thấy hiệu quả của việc các công ty du lịch áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Để các cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, thành phố Đà Nẵng cũng cần quy định trách nhiệm phối hợp giữa những cơ sở kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư và các cơ sở có hoạt động liên quan khi trong quá trình bảo vệ môi trường. Cơ chế phối hợp này cần được xây dựng chặt chẽ và đồng bộ để tạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đối tượng, bao gồm các hoạt động cần được thực hiện

Trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng còn được thể hiện thông qua việc nhắc nhở và cung cấp những điều kiện cần thiết để khách du lịch khi sử dụng dịch vụ của cơ sở có thể thực hiện được các yêu cầu bảo vệ môi trường tại Đà Nẵng. Để giám sát tình hình môi trường, Đà Nẵng cần ban yêu cầu các cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về tình trạng môi trường.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng nên tổ chức rà soát các cơ sở kinh doanh du lịch không có nhân lực chuyên trách thực hiện bảo vệ môi trường để xử lý. Nhằm tiến tới, tất cả các cơ sở kinh doanh du lịch phải đáp ứng yêu cầu này.

### **3.3.2. Đối với khách du lịch đến thăm quan tại Đà Nẵng**

Cụ thể hoá các nghĩa vụ bảo vệ môi trường của khách trong quá trình đi du lịch, lưu trú và sử dụng các dịch vụ du lịch khác tại Đà Nẵng. Các hành vi được quy định phải chú ý tới yêu cầu bảo vệ môi trường của từng loại địa bàn tiến hành hoạt động du lịch (du lịch biển, núi, sông nước v.v.). Khách du lịch tại Đà Nẵng phải có trách nhiệm hợp tác với các cơ sở kinh doanh du lịch để thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

Ủy ban nhân dân thành phố cũng cần có văn bản đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp, các cơ sở lưu trú và ban quản lý khu du lịch cần niêm yết các quy định, phổ biến quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch cho khách du lịch. Cùng với đó, cần thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với cơ sở kinh doanh và khách du lịch.

### **3.3.3. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội tại Đà Nẵng trong công tác bảo vệ môi trường du lịch**

Sở Du lịch và Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cần phối hợp với các tổ chức xã hội để triển khai các phong trào vận động bảo vệ môi trường cho phát triển du lịch. Trong thời gian qua, vai trò của các tổ chức xã hội tại Đà Nẵng đã thể hiện khá tích cực trong vấn đề này. Sắp tới, cần chủ động hơn từ phía các cơ quan nhà nước để vai trò này thể hiện được tốt hơn.

### ***3.3.4. Tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng tham gia và được hưởng lợi từ phát triển du lịch***

Sự tham gia của cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng là yếu tố quan trọng đối với công tác bảo vệ môi trường du lịch tại Đà Nẵng. Ngành du lịch Đà Nẵng cần có biện pháp thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư vào làm việc trong ngành du lịch, cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch một cách có tổ chức (tham gia vào một số khâu trong chuỗi hoạt động du lịch như đưa đón khách, hướng dẫn tham quan, sản xuất và bán hàng lưu niệm); khuyến khích cộng đồng dân cư phát triển một số ngành nghề phục vụ cho du lịch tại Đà Nẵng; sử dụng các nguồn lợi từ du lịch vào việc xây dựng các công trình phúc lợi tại Đà Nẵng v.v. Những hoạt động này sẽ có ý nghĩa giáo dục người dân về vai trò của du lịch và từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường cho phát triển du lịch tại Đà Nẵng. Việc phát huy vai trò của cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng không chỉ thể hiện qua các biện pháp làm cho người dân không có những hành vi phá hoại môi trường mà còn thể hiện ở việc khuyến khích họ thực hiện các hành vi bảo vệ môi trường tích cực như tiến hành các dịch vụ thu gom rác thải. Tác dụng của cách làm này có thể được chứng minh ở nhiều địa phương.

### ***3.3.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng***

Như đã nêu, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng tuy đã được quan tâm nhưng chưa có tính chất thường xuyên và chưa mang lại hiệu quả như mong đợi. Sự hiểu biết pháp luật của một số chủ thể có liên quan là hết sức hạn chế. Do đó, Đà Nẵng cần có những biện pháp tuyên truyền phổ biến pháp luật thường xuyên hơn, sâu rộng hơn và hướng tới những chủ thể cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

### ***3.3.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật môi trường tại Đà Nẵng***

Nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, theo tác giả luận văn, chính quyền địa phương Đà Nẵng cần tăng cường quản lý nhà nước thông qua việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật môi trường nói chung, trong đó có bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Thực tiễn cho thấy, pháp luật du hoàn thiện đến mấy nhưng công tác quản lý buông lỏng thì hiệu quả không cao. Do vậy, trong thời gian tới, theo tác giả luận văn, Đà Nẵng cần tăng cường các hoạt động này nhằm chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật môi trường.

### ***3.3.7. Tăng nguồn chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch***

Nguồn chi ngân sách hạn hẹp vừa là hạn chế chung của cơ chế, chính sách của cả nước, vừa là hạn chế riêng của Đà Nẵng. Đối với địa phương, tùy

vào tình hình thực tế, có thể điều chỉnh nguồn chi ngân sách địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Hiện nay theo quy định hiện hành, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng vẫn có quyền điều chỉnh được ngân sách chi cho các mục đích khác nhau, đặc biệt là các khoản thu từ phí và lệ phí. Tuy vậy, cơ cấu khoản chi ngân sách tại Đà Nẵng đối với việc bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, theo tác giả luận văn, trong thời gian tới, nên tăng nguồn chi ngân sách ở lĩnh vực này để góp phần tăng cường nguồn lực thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Chương 3 luận văn phân tích và chỉ ra 2 vấn đề lớn. Thứ nhất, những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và nâng cao hiệu quả áp dụng tại Đà Nẵng. Thứ hai, luận văn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch cho cả nước. Thứ ba, các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường tại thành phố Đà Nẵng.

Đối với các giải pháp chung, luận văn đề xuất các giải pháp sau đây: (1) Bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức cá nhân đối với bảo vệ môi trường du lịch; (2) bổ sung quy định về các biện pháp đảm bảo thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch; (3) sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư liên tịch số 19/2013 của Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch; (4) hoàn thiện bộ tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường; (5) hoàn thiện các quy định của pháp luật về đất đai, về quản lý nước, quản lý khoáng sản, quản lý di sản văn hóa, dầu khí,... nhằm bảo đảm tính thống nhất; (6) cụ thể hoá trách nhiệm bảo vệ môi trường của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch; (7) hoàn thiện các quy định tạo nguồn đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường; (8) xây dựng chỉ tiêu, định mức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

Đối với nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, luận văn đề xuất các giải pháp sau: (1) các giải pháp đối với các cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng; (2) các giải pháp đối với khách du lịch tham quan tại Đà Nẵng; (3) Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội tại Đà Nẵng trong công tác bảo vệ môi trường du lịch; (4) tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng tham gia và được hưởng lợi từ phát triển du lịch; (5) đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng; (6) tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật môi trường tại Đà Nẵng; (7) tăng nguồn chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.



## PHẦN KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy, môi trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với du lịch. Giữa môi trường và du lịch có quan hệ tác động qua lại và mang tính tương hỗ với nhau. Để phát triển du lịch, không thể không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch là một lĩnh vực pháp luật tương đối rộng lớn và liên quan đến nhiều chủ thể. Trong đó, chủ yếu nhất trách nhiệm thuộc về cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch đóng những vai trò đặc biệt quan trọng. Chính vì thế, việc nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của việc áp dụng thực tiễn là hết sức cần thiết. Trong quá trình đánh giá, phải vận dụng các tiêu chí cụ thể. Theo tác giả luận văn, các tiêu chí đó là: tính toàn diện; tính đồng bộ; tính phù hợp; kỹ thuật pháp lý cao; tính công khai minh bạch; tính dễ tiếp cận của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

Dựa trên những tiêu chí vừa nêu, có thể đánh giá rằng, ở tiêu chí nào pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch cũng tồn tại những hạn chế nhất định. Nguyên nhân này, cùng với một số nguyên nhân khác, đã làm cho việc áp dụng các quy định này trong thực tế tại Đà Nẵng chưa đạt hiệu quả cao, bên cạnh những kết quả đã đạt được.

Từ những hạn chế đó, luận văn kiến nghị giải pháp để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch qua thực tiễn áp dụng tại Đà Nẵng. Trong đó có nhóm giải pháp áp dụng chung đối với cả nước, có nhóm giải pháp áp dụng riêng cho thành phố Đà Nẵng.

Đối với các giải pháp chung, luận văn đề xuất các giải pháp sau đây: (1) Bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức cá nhân đối với bảo vệ môi trường du lịch; (2) bổ sung quy định về các biện pháp đảm bảo thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch; (3) sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư liên tịch số 19/2013 của Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch; (4) hoàn thiện bộ tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường; (5) hoàn thiện các quy định của pháp luật về đất đai, về quản lý nước, quản lý khoáng sản, quản lý di sản văn hóa, dầu khí,... nhằm bảo đảm tính thống nhất; (6) cụ thể hoá trách nhiệm bảo vệ môi trường của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch; (7) hoàn thiện các quy định tạo nguồn đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường; (8) xây dựng chỉ tiêu, định mức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

Đối với nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, luận văn đề xuất các giải pháp sau: (1) các giải pháp đối với các cơ sở kinh doanh du lịch tại Đà Nẵng; (2) các giải pháp đối với khách du lịch tham quan tại Đà Nẵng; (3) Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội tại Đà Nẵng trong công tác bảo vệ môi trường du lịch; (4) tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tại Đà Nẵng tham gia và được hưởng lợi từ phát triển du lịch; (5) đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tại Đà Nẵng; (6) tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật môi trường tại Đà Nẵng; (7) tăng nguồn chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.



## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

1. Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013) Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT- BVHTTVDL-BTNVMT hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;

2. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015) Nghị định 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;

3. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014) Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;

4. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013) Nghị định 179/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;

5. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016) Nghị định 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;

6. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

7. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005, 2014), Luật Bảo vệ môi trường, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

8. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005, 2017), Luật Du lịch, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

9. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003, 2013), Luật Đất đai, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

10. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000, sửa đổi 2008), Luật Dầu khí, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

11. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001, sửa đổi 2009), Luật Di sản văn hóa, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

12. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Luật Tài nguyên nước, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

13. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

14. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003, 2017), Luật Thủy sản, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

15. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Luật Đa dạng sinh học, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

### **B. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC**

16. Cục Môi trường – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1999), Báo cáo công tác đánh giá tác động môi trường, Hà Nội;

17. Lưu Đức Hải – Nguyễn Ngọc Sinh (2000), Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

18. Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam (2005), Nghiên cứu tổng kết một số mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam, Dự án VIE/01/021, Hà Nội, tháng 11;

19. Đặng Huy Huỳnh (2011), Vai trò đa dạng sinh học trong phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam, Hội thảo du lịch sinh thái với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam;

20. IUCN – VNAT – ESCAP (2009), Tuyên tập báo cáo Hội thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam”, tháng 11;

21. Lê Văn Lanh (2003), Du lịch sinh thái và quản lý môi trường du lịch ở các vườn Quốc gia Việt Nam Hội thảo Du lịch sinh thái với phát triển bền vững ở Việt Nam, Hà Nội, tổ chức tháng 4 năm 2003;

22. Phạm Trung Lương (2002), Du lịch sinh thái: Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội;

23. Phạm Trung Lương (2003) Đề tài khoa học cấp ngành “Cơ sở khoa học phát triển du lịch sinh thái Việt Nam”.

24. Tổng cục Du lịch (2003), Cẩm nang về phát triển du lịch bền vững Hà Nội. Tháng 11/2005

25. Lê Trình (2013), Đánh giá tác động môi trường, phương pháp và ứng dụng NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội

26. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2000), Hiện trạng và một số giải pháp bảo vệ môi trường du lịch Việt Nam, Hà Nội ;

27. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2001), Cơ sở khoa học xây dựng hệ thống chỉ tiêu môi trường cho hoạt động du lịch biển Việt Nam, Hà Nội.